

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày 19 tháng 4 năm 2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê, ông Phan Ngọc Đài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N và P Việt Nam

Địa chỉ: Số nhà 02, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch (Có mặt)

Nơi làm việc: Ngân hàng N và P Việt Nam, Chi nhánh E, Bắc Đắk Lắk, Phòng giao dịch T

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Theo Văn bản ủy quyền số 179/NHNoEatoh - UQ ngày 01 tháng 7 năm 2020

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1979, vắng mặt

Địa chỉ: Buôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Đinh Thị T; sinh năm 1984, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; bà Chu Thị V, sinh năm 1990 (Ông T vắng mặt, bà V có mặt).

Địa chỉ: Buôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Văn T trình bày:

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, Ngân hàng N và P Việt Nam (Ngân hàng) cho ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T (Ông T, bà T) vay 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất: 10,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; Hình thức vay: Có bảo đảm bằng giá trị quyền sử dụng đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà T chưa trả cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào (Gốc, lãi). Tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2022, ông T, bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 463.254.995đ (Gốc: 350.000.000đ, lãi suất trong hạn: 80.870.137đ, lãi suất quá hạn: 22.060.068đ, lãi suất chậm trả: 10.324.790đ).

Mặc dù đã quá hạn trả nợ, nhưng ông T, bà T không trả do vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T trả cho Ngân hàng số tiền 463.254.995đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết. Trường hợp ông T, bà T trả xong nợ, thì Ngân hàng đồng ý trả cho ông T, bà T toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC: 5227 LCP241661060/ HĐTC ngày 08 tháng 01 năm 2020. Trường hợp ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, đồng thời là em của ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T (Ông T là em ruột của ông T). Việc vay mượn tiền và thế chấp tài sản giữa ông T, bà T với Ngân hàng như thế nào thì bà và ông T không biết, không liên quan vì tài sản thế chấp không phải của ông bà. Ông bà cũng không quản lý và canh tác đối với phần diện tích đất mà ông T, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Hợp đồng tín dụng số 5227- LAV2020.00069 ngày 10 tháng 01 năm 2020 thể hiện nội dung: Ngân hàng N và P Việt Nam cho ông Nguyễn Văn T vay 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất: 10,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng.

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC: 5227LCP241661060/ HĐTC ngày 08 tháng 01 năm 2020 có nội dung: Ông Nguyễn Văn T thế chấp cho Ngân hàng N và P Việt Nam quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các thửa đất số: 36 + 67, tờ bản đồ 96, diện tích 15.720m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 629.188 ngày 11 tháng 5 năm 2012 của UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Hợp đồng ủy quyền ngày 09 tháng 01 năm 2020, bà Đinh Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T dùng tài sản (Thửa đất số 36 + 67, tờ bản đồ 96, diện tích 15.720m²) để thế chấp vay vốn Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; đại diện của nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 463.254.995đ và lãi suất phát sinh kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2022 cho đến khi trả xong nợ. Sau khi bị đơn trả xong nợ, thì nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn tài sản đã thế chấp. Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí, chi phí tố tụng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Bị đơn (Ông T) có hộ khẩu thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tài sản thế chấp cũng ở xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hợp đồng được ký kết tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Tòa án đã triệu tập, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Hợp đồng tín dụng số 5227- LAV2020.00069 ngày 10 tháng 01 năm 2020 thể hiện nội dung: Ngân hàng N và P Việt Nam cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất: 10,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T, bà T không có mặt nên không ghi được ý kiến, đồng thời cũng không có chứng cứ chứng minh rằng ông T, bà T đã trả hết hay một phần số tiền gốc và lãi suất phát sinh. Đại diện Ngân hàng xác định tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2022, ông T, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 463.254.995đ (Gốc: 350.000.000đ, lãi suất trong hạn: 80.870.137đ, lãi suất quá hạn: 22.060.068đ, lãi suất chậm trả 10.324.790đ) nhưng chưa trả. Như vậy ông T, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà T trả 463.254.995đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của

pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc ông T, bà T trả cho Ngân hàng số tiền là 463.254.995đ.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là của ông T, bà T. Bà T đã ủy quyền cho ông Trường ký hợp đồng thế chấp và xét thấy việc thế chấp đã thực hiện theo đúng quy định, vì vậy trong trường hợp ông T, bà T thanh toán xong nợ thì Ngân hàng phải trả lại cho ông T, bà T tài sản thế chấp. Trường hợp ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ, thì Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Chi phí tố tụng: Do yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận cho nên ông T, bà T phải chịu 2.200.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.200.000đ sau khi thu được của ông T, bà T.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận và ông T, bà T không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí, vì vậy ông T, bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch với số tiền 22.530.199đ (Làm tròn 22.530.000đ), được tính: (400.000.000đ có mức thu 20.000.000đ; 63.254.995đ có mức thu là 63.254.995đ x 4% = 2.530.199đ.).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 158; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 385; 398; 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N và P Việt Nam, buộc ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T trả cho Ngân hàng N và P Việt Nam số tiền 463.254.995đ (Gốc: 350.000.000đ ,lãi suất tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2022 là 113.254.995đ).

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 5227-LAV2020.00069 ngày 10 tháng 01 năm 2020, kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2022 cho đến khi ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T trả xong nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T trả xong nợ, thì Ngân hàng N và P Việt Nam phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC: 5227LCP241661060/ HĐTC ngày 08 tháng 01 năm 2020.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N và P Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản mà ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC: 5227LCP241661060/ HĐTC ngày 08 tháng 01 năm 2020 để thu hồi nợ.

3. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T phải chịu 2.200.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Trả lại cho Ngân hàng N và P Việt Nam số tiền 2.200.000đ sau khi thu được của ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T.

4. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T phải chịu 22.530.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

+ Trả lại cho Ngân hàng N và P Việt Nam số tiền 10.302.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/ 0002945 ngày 20 tháng 7 năm 2021.

5. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Krông Năng;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG